

**ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG THƯ VIỆN SỐ
TẠI THƯ VIỆN HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ
- THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

Đặng Thị Nguyệt Ánh*

Tóm tắt: Trong xu thế phát triển và hội nhập, hệ thống thư viện Việt Nam nói chung và thư viện khối học viện nhà trường nói riêng đang dần chuyển từ Thư viện truyền thống sang thư viện hiện đại như một sự thay đổi tất yếu. Nhận thức rõ điều này, ngay từ sớm, Thư viện Học viện Kỹ thuật Quân sự (KTQS) đã triển khai xây dựng thư viện theo định hướng trở thành một thư viện số hiện đại. Tuy nhiên, việc xây dựng Thư viện số tại Thư viện Học viện KTQS mới ở những bước đi ban đầu và cần phải tiếp tục chú trọng đầu tư hơn nữa. Bài viết tập trung phân tích làm rõ thực trạng xây dựng thư viện số tại Thư viện Học viện KTQS và đề xuất một số nhóm giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới.

Từ khóa: Thư viện số; Tài nguyên số; Người dùng tin

Đặt vấn đề

Đất nước ta đang trong thời kỳ phát triển và hội nhập với những thời cơ và thách thức mới, đặt ra yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong tình hình mới. Mặt khác, sự phát triển của xã hội hiện đại cùng với những bước tiến vượt bậc về khoa học, công nghệ thông tin và tri thức đã đem đến cho loài người những chân trời khám phá mới. Tất cả những điều này đặt ra yêu cầu mỗi học viện nhà trường phải có những đổi mới căn bản trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học mà ở đó người học trở thành trung tâm và thư viện phải trở thành giảng đường thứ hai. Theo đó, việc xây dựng và phát triển thư viện số ở Việt Nam nói chung và Thư viện Học viện KTQS nói riêng ngày càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Thư viện Học viện KTQS được thành lập từ năm 1966 cùng với sự ra đời của Học viện KTQS và hiện nay là đơn vị trực thuộc Phòng Thông tin KHQS. Năm 2002, bên cạnh việc đào tạo kỹ sư quân sự, Học viện KTQS được Nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo nguồn kỹ sư dân sự phục vụ công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trước tình hình đó, để nâng cao hiệu quả công tác thư viện phục vụ nhiệm vụ đào tạo và cứu khoa học của Học viện, Thư viện Học viện KTQS đã có định hướng xây dựng thư viện trở thành một thư viện số hiện đại hàng đầu trong toàn quân.

1. Định nghĩa và đặc điểm của Thư viện số

Thư viện số hiện nay đã trở thành một khái niệm quen thuộc trong xã hội hiện đại. Đã có nhiều tổ chức, học giả và các nhà nghiên cứu về thư viện trên thế giới đưa ra những định nghĩa rõ ràng về Thư viện số.

Theo một số thành viên Hiệp hội Thư Viện Số Hoa kỳ (Digital Library Federation) đã đưa ra một định nghĩa: “Thư viện số là các tổ chức cung cấp tài nguyên,

* Thư viện, Học viện Kỹ thuật Quân sự

gồm các nhân viên chuyên biệt giúp lựa chọn, tổ chức, cung cấp khả năng truy cập thông minh, chỉ dẫn, phân phối, bảo quản tính toàn vẹn và sự thống nhất của các bộ sưu tập số theo thời gian để đảm bảo làm sao chúng luôn sẵn có để truy xuất một cách dễ dàng và kinh tế nhất đối với một cộng đồng người dùng hoặc một nhóm cộng đồng người dùng” (Raitt, 1999).

Hai học giả người Nga là Sokolova và Liyabev cho rằng *thư viện số là một hệ thống phân tán có khả năng lưu trữ và tận dụng hiệu quả các loại tài liệu điện tử khác nhau, mà giúp người dùng có thể truy cập và được chuyển giao thông tin dễ dàng qua mạng máy tính (Xiao, 2003).*

Nhiều học giả Trung Quốc lại có cùng quan điểm rằng *“Một thư viện số trên thực tế không phải là một thư viện ở góc độ mở rộng không gian của nó; thay vào đó nó là trung tâm tài nguyên thông tin số chứa đựng tài nguyên thông tin đa phương tiện. Một thư viện số tồn tại bằng việc số hóa thông tin, chẳng hạn như văn bản, ký tự, chữ viết, hình ảnh, video và âm thanh, đồng thời cung cấp cho người dùng các dịch vụ thông tin nhanh chóng và thuận tiện thông qua Internet, nhằm chuyển giao một hệ thống thông tin số mà trong đó việc chia sẻ nguồn tài nguyên luôn sẵn sàng” (Wang, 2003).*

Đặc điểm nổi bật của Thư viện số:

- NDT có thể sử dụng thư viện dù ở bất cứ đâu, mọi lúc mọi nơi, không bị giới hạn về thời gian, không gian, khoảng cách và địa lý.
- Các hoạt động nghiệp vụ và khai thác được thực hiện thông qua hệ thống mạng và các công cụ đa phương tiện không mất nhiều thời gian, công sức.
- Nguồn thông tin được lưu trữ dưới dạng điện tử với khối lượng lớn, không gây mất diện tích kho tàng, độ bền cao.
- NDT dễ dàng tìm kiếm, truy nhập và truy xuất
- Dễ dàng liên kết và chia sẻ

2. Thực trạng xây dựng Thư viện số tại Thư viện Học viện KTQS

Năm 2004 Thư viện Học viện KTQS đã mạnh mẽ thực hiện triển khai xây dựng thư viện số với việc sử dụng phần mềm quản lý thư viện Libol trong công tác điều hành và quản lý thư viện và triển khai thử nghiệm mượn trả tài liệu bằng công nghệ mã vạch, thẻ từ. Đến năm 2006 Thư viện được Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự - Bộ Quốc Phòng (sau đây gọi tắt là Trung tâm Thông tin/BQP) đầu tư dự án “Thư viện số dùng chung trong Bộ Quốc Phòng” chia làm 2 giai đoạn: Giai đoạn 1: 2006 - 2007; Giai đoạn 2: 2008 - 2011. Với dự án này, thư viện đã tiến hành hồi cố cơ sở dữ liệu (CSDL), chú trọng xây dựng nguồn tài liệu số thông qua số hóa tài liệu và mua bổ sung tài liệu điện tử, nâng cấp hệ thống mạng Internet và mạng nội bộ QSNet, bổ sung thêm các trang thiết bị CNTT như máy tính, máy scan, máy chủ, cổng từ,... Năm 2015, Học viện tiếp tục đề nghị lên Bộ Quốc Phòng dự án “Xây dựng Thư viện Học viện KTQS giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn 2030 và những năm tiếp theo” với mục đích xây dựng thư viện trở thành một Trung tâm Học liệu và hiện đang chờ phê duyệt

2.1. Hệ thống cơ sở hạ tầng

- *Hệ thống mạng*: Hiện nay Thư viện Học viện KTQS đã có hạ tầng cơ sở thông tin đảm bảo với hệ thống mạng bao gồm: mạng Internet và mạng QS Net (trước đây gọi là mạng Misten) kết nối mạng truyền số liệu quân sự toàn quân.

Mạng Internet: Kết nối Internet bằng đường Leasedline của Viettel với dung lượng 4Mb quốc tế và 100Mb trong nước.

Mạng QS Net: Là hệ thống mạng nội bộ của học viện, được kết nối và truyền số liệu dựa trên hệ thống mạng trực của Bộ Tư lệnh Thông tin liên lạc chung trong toàn quân. Theo đó, các học viện nhà trường trực thuộc Bộ Quốc Phòng đều có thể liên kết và chia sẻ với nhau thông qua hệ thống mạng QS Net. Hiện nay, hàng trăm máy tính trạm kết nối mạng nội bộ tại các đơn vị trong Học viện đều có thể truy cập tới CSDL của thư viện, NDT không cần phải đến thư viện vẫn có thể tiếp cận nguồn tài nguyên này.

Với hai hệ thống mạng tách biệt vật lý với nhau như vậy trong khi toàn bộ nguồn lực của thư viện chỉ được cho phép khai thác trên hệ thống mạng nội bộ do tính đặc thù của nhà trường quân đội nên đã ít nhiều ảnh hưởng đến tính thuận tiện trong khai thác và sử dụng thư viện. Điều này đồng nghĩa với việc bạn đọc phải đến Học viện mới có thể khai thác nguồn tài nguyên của thư viện, các thế mạnh của Internet như không phân biệt không gian, thời gian, địa lý,... do đó cũng bị hạn chế. Bên cạnh đó, với việc dùng chung một đường truyền Internet trong toàn Học viện với việc phải phục vụ trên 10.000 cán bộ giáo viên, học viên sinh viên nên chất lượng đường truyền còn chưa đủ để chưa đủ đáp ứng được với nhu cầu thực tế trong khai thác thư viện.

- *Hệ thống máy chủ, máy trạm và các thiết bị CNTT*: Thư viện Học viện KTQS có hai máy chủ với dung lượng 8GB, được đầu tư theo dự án thư viện số của Trung tâm Thông tin/BQP năm 2006 và năm 2013 để lưu giữ dữ liệu; hệ thống máy trạm gồm 200 máy tính trong đó 154 máy tính phục vụ tra cứu, 31 máy tính phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ. Ngoài ra, bên cạnh việc được thụ hưởng các dự án đầu tư từ Trung tâm thông tin /BQP thư viện đã chú trọng bổ sung hệ thống các trang thiết bị CNTT khác như: máy scan, cổng từ, hệ thống camera giám sát,... Đến nay, thư viện đã có 30 máy scan phục vụ cho công tác số hóa tài liệu, 3 đầu camera và 70 camere giám sát được lắp đặt tại các phòng đọc, phòng mượn để phục vụ công tác quản lý thư viện, 2 đầu phát sóng wifi phục vụ NDT truy cập mạng không dây...

Tuy nhiên, do kinh phí hạn hẹp, và các dự án đầu tư còn nhỏ lẻ manh mún nên hệ thống trang thiết bị CNTT còn chưa đồng bộ, hoạt động bảo trì bảo dưỡng chưa được thường xuyên, hay hỏng hóc, hệ thống máy chủ chưa đảm bảo cả về số lượng và chất lượng.

-Hệ thống phần mềm ứng dụng: Thư viện đã áp dụng thành công phần mềm Quản lý thư viện Libol. Hiện nay, các phân hệ đang được sử dụng một cách hiệu quả và đã đáp ứng thực tế nghiệp vụ thư viện như: xử lý tài liệu, phục vụ tra cứu, mượn trả tài liệu, quản lý bạn đọc, báo cáo thống kê... Năm 2013, với việc đầu tư phát triển nguồn tài nguyên số, thư viện có sử dụng thêm phần mềm quản trị thư viện Libodigital để quản lý và biên mục tài liệu số. Đây không phải là một phần mềm ưu việt nhất nhưng dễ sử dụng và khá ổn định. Tuy nhiên, đối với môi trường một nhà trường trong quân đội phần mềm này vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: độ bảo mật chưa cao, chưa phân cấp phân quyền cho từng đối tượng bạn đọc khác nhau cho từng dạng tài liệu khác nhau...

2.2. Xây dựng nguồn tài nguyên số

Từ 2006, Thư viện Học viện KTQS đã chú trọng xây dựng nguồn tài nguyên số cho thư viện. Bên cạnh việc được thụ hưởng một số dự án của Trung tâm Thông tin/BQP để số hóa tài liệu, thư viện đã tích cực bổ sung và thu thập tài liệu điện tử từ nhiều nguồn khác nhau. Đến nay, CSDL điện tử của thư viện đã có trên 7.000 đầu tài liệu trong đó gồm các CSDL: giáo trình, sách tham khảo, Luận án- Luận văn, tạp chí offline, tạp chí khoa học kỹ thuật... Cụ thể:

- CSDL sách tham khảo: có 5.548 đầu tài liệu chiếm 80,89%. Đây là những tài liệu gồm nhiều chuyên ngành, mang tính bổ trợ nên có thể dễ dàng thu thập, tìm kiếm và bổ sung từ nhiều nguồn khác nhau: mua, số hóa, thu thập từ đội ngũ các nhà giáo và các nhà khoa học.

- CSDL giáo trình: có 745 đầu tài liệu chiếm 10,86%, là những giáo trình chính phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập cho từng môn học. Tuy nhiên, đây là những tài liệu chuyên ngành sâu về khoa học kỹ thuật, đặc biệt là khoa học kỹ thuật quân sự nên khó bổ sung. Thường những tài liệu này chủ yếu số hóa từ các tài liệu do học viện in, hoặc các giáo trình có giá trị, đã cũ hoặc số lượng ít nhưng không được tái bản và hiện không có trên thị trường xuất bản.

- CSDL Luận án, luận văn: có 103 đầu tài liệu (chủ yếu là Luận án), chiếm 1,50%. Đây là nguồn tài liệu nội sinh dồi dào, có hàm lượng khoa học cao song do tính đặc thù của một nhà trường quân đội và do chưa có một cơ chế rõ ràng trong việc sử dụng và khai thác nguồn tài liệu này nên chủ yếu vẫn phục vụ đọc tại chỗ và cho phép sao chụp từng phần.

- Ngoài ra, còn có các CSDL khác như: tạp chí offline, chuyên đề tiếng Anh, tạp chí số hóa, tạp chí KHKT của Học viện... Đối với những CSDL này số lượng ít, chỉ chiếm 6,75% so với tổng CSDL điện tử của thư viện, nguyên nhân do nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên không được cập nhật và bổ sung thường xuyên.

Để đáp ứng được nhiều hơn nhu cầu của NDT, Thư viện đã tăng cường liên kết, chia sẻ và khai thác tài nguyên thông tin từ các đơn vị khác ngoài quân đội như: Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia, Trung tâm TT-TV, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách Khoa,... Đối với các CSDL điện tử lớn, uy tín, có giá trị khoa học cao nhất là các CSDL điện tử của các tạp chí uy tín nước ngoài đến nay thư viện vẫn chưa thể bổ sung mà mới chỉ dừng lại ở hình thức dùng thử.

Hiện nay, việc xây dựng tài nguyên số cho thư viện chủ yếu thông qua số hóa các giáo trình tài liệu, thông qua việc thu thập các nguồn tài liệu từ đội ngũ giáo viên, giảng viên, các nhà khoa học của Học viện và một số nguồn khác song vẫn còn nhiều hạn chế như: trang thiết bị còn lạc hậu nên công tác số hóa còn mất nhiều thời gian và công sức, chưa có chính sách đãi ngộ hợp lý thu hút tài liệu giá trị từ đội ngũ các nhà khoa học

2.3. Xây dựng nguồn nhân lực

Thư viện có đội ngũ cán bộ thư viện trẻ gồm 24 người với độ tuổi trung bình là 35 tuổi và 100% là nữ giới. Đội ngũ cán bộ có trình độ từ cao đẳng và đại học trở lên trong đó có 02 thạc sĩ, 18 cử nhân và 4 cao đẳng. Để không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong hoạt động chuyên môn, hàng năm thư viện thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn và dài hạn, tổ chức tham quan và trao đổi kinh nghiệm tại một số thư viện trường bạn, tham gia hội nghị, hội thảo...

Tuy nhiên, do đặc thù sử dụng nhân sự trong quân đội thường là sự điều động giữa các đơn vị trực thuộc Học viện với nhau. Do đó, mặc dù đội ngũ cán bộ tại thư viện tuy đông, trẻ nhưng đội ngũ cán bộ được đào tạo nghiệp vụ thông tin thư viện chỉ chiếm 43%, công nghệ thông tin chiếm chưa đến 10% còn lại là các chuyên ngành khác như sư phạm, ngoại ngữ, tài chính chiếm gần 50% ... với đội ngũ cán bộ thư viện 100% là nữ giới nên độ nhạy bén trong công việc phần nào bị hạn chế. Sự mất cân đối này có ảnh hưởng không nhỏ trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ nòng cốt có trình độ chuyên môn vững để tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy trong việc hoạch định chiến lược cũng như định hướng phát triển của thư viện. Bên cạnh đó, sự thiếu hụt nguồn nhân lực về CNTT cũng làm hạn chế việc ứng dụng và khai thác các thế mạnh của CNTT trong các hoạt động thư viện.

2.4. Công tác phục vụ người dùng tin

Công tác phục vụ NDT Thư viện Học viện KTQS hiện ngày càng phong phú, đa dạng và cởi mở hơn. Cụ thể:

- Mở rộng hệ thống các phòng phục vụ bao gồm: 01 phòng phục vụ mượn trả tài liệu, 02 phòng phục vụ đọc tại chỗ, 03 phòng khai thác truy cập mạng (01 cho cán bộ giáo viên và 02 phòng cho học viên, sinh viên), 02 phòng tự học, 01 phòng tài liệu mật.

- Cung cấp các dịch vụ như: Tra cứu tìm tin, mượn trả tài liệu, đọc tại chỗ, sao chụp tài liệu, tư vấn thông tin, cung cấp thông tin theo chủ đề, dịch vụ làm thẻ bạn đọc...

- Sản phẩm thông tin – thư viện: Mục lục tra cứu trực tuyến OPAC, thông báo tài liệu mới, thông báo tài liệu theo chuyên đề, thông tin tư liệu mới đăng tải trên website Học viện, hướng dẫn tra cứu tìm tin,...

Để nâng cao chất lượng phục vụ NDT, thư viện đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động thư viện:

- Đối với hoạt động tra cứu: Hệ thống mục lục truyền thống được thay thế hoàn toàn bằng mục lục tra cứu trực tuyến OPAC. Chuẩn hóa các quy tắc biên mục hiện đại trong xử lý tài liệu như: ISBD, AACR2, khổ mẫu MARC21 giúp cho công tác tra cứu nhanh chóng, dễ dàng, thông tin tài liệu được cung cấp tới NDT luôn đầy đủ và chính xác.

- Đối với hoạt động mượn trả tài liệu: chuyển từ thủ công sang sử dụng hoàn toàn bằng công nghệ mã vạch. Điều này đã giúp cho công tác mượn trả tài liệu trở nên nhanh chóng thuận tiện, thân thiện hơn với NDT, tiết kiệm được thời gian công sức cho cán bộ thư viện.

- Đối với hoạt động kho mở: Từ năm 2006, để quản lý tài liệu tại kho mở cùng với việc sử dụng nguồn kinh phí đầu tư của dự án Thư viện số của Trung tâm Thông tin/BQP, thư viện đã dán hồi cố mã vạch, nhãn từ và dây từ cho toàn bộ giáo trình tài liệu tại kho mở, triển khai hệ thống cổng từ và các camera giám sát... Đến nay, công nghệ mã vạch, thẻ từ, dây từ và kiểm soát tài liệu bằng hệ thống cổng từ được sử dụng toàn diện.

Mặc dù các hoạt động phục vụ đã từng bước đổi mới và hiện đại hơn song vẫn chưa thực sự thu hút được NDT bởi không gian phục vụ còn dãn trải, phong cách thiết kế còn mang tính mô phạm, hình khối chưa mềm mại và thân thiện đối với người dùng; Thời gian phục vụ vẫn còn bó hẹp, không có chế độ phục vụ thông trưa và không liên tục trong tuần; Công tác tuyên truyền quảng bá chưa được chú trọng đầu tư: chưa có một trang web riêng, các sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện còn nghèo nàn,...

2.5. Công tác đào tạo Người dùng tin

Một thư viện dù hiện đại đến đâu nhưng NDT không có kỹ năng khai thác và sử dụng thư viện thì cũng không đem lại hiệu quả. Nhất là trong điều kiện ngày nay, khi Học viện đã có những bước đổi mới căn bản trong giáo dục đào tạo, từ đào tạo theo niên chế chuyển sang đào tạo theo tín chỉ đòi hỏi người học phải có khả năng tự tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin, người giáo viên lúc này chỉ đóng vai trò là người định hướng cho học viên, sinh viên của mình. Nhận thức được điều này, hàng năm Thư viện Học viện KTQS đều tổ chức các buổi hướng dẫn sử dụng và khai thác các sản phẩm và dịch vụ thư viện cho học viên, sinh viên ngay trong năm đầu nhập học.

Tuy nhiên công tác đào tạo NDT còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: mới chỉ triển khai đối với nhóm NDT là học viên, sinh viên; nội dung hướng dẫn chủ yếu dừng lại ở việc giới thiệu cơ bản về thư viện và cách thức tra cứu tài liệu; cán bộ hướng dẫn chưa được đào tạo bài bản về kỹ năng sư phạm, chưa có kiến thức chuyên sâu về tìm kiếm, khai thác, xử lý, phân tích và tổng hợp thông tin trên nhiều kênh thông tin khác nhau. Những điều này đã phần nào ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo NDT, hiệu quả khai thác sử dụng thư viện theo đó cũng không cao.

3. Một số giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới nhằm đẩy mạnh xây dựng Thư viện Học viện Kỹ thuật Quân sự theo định hướng Thư viện số

3.1. Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng thông tin

- Quy hoạch lại hệ thống phòng ốc sao cho tập trung, thống nhất, tránh sự dàn trải, manh mún.

- Trang thiết bị: Đầu tư kinh phí trong việc trang bị đồng bộ trang thiết bị cho thư viện như: hệ thống máy tính và các thiết bị đa phương tiện; hệ thống giá sách, tủ trưng bày; máy scan tự động, công suất lớn; hệ thống máy chủ với khả năng lưu giữ được lượng dữ liệu thông tin lớn; sử dụng các vi mạch bán dẫn (còn gọi là thẻ FRID) thay thế công nghệ mã vạch, thẻ từ như hiện nay. Ngoài ra cần dành nguồn kinh phí cho việc bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị và nâng cấp phần mềm quản trị thư viện.

- Hệ thống mạng: Nâng cấp hạ tầng hệ thống mạng nội bộ QS Net. Đảm bảo riêng đường Internet tốc độ cao cho thư viện. Đầu tư mua sắm thêm máy chủ để có thể triển khai ứng dụng thư viện online trên mạng internet.

- Nâng cấp và hoàn thiện phần mềm quản trị thư viện với đầy đủ các tính năng có thể đáp ứng được các yêu cầu về phân cấp phân quyền trong khai thác sử dụng cũng như tính bảo mật thông tin. Triển khai cài đặt phần mềm quản lý thư viện hiện đại trên máy chủ riêng biệt kết nối với internet phục vụ nhu cầu tra cứu và kết nối với hệ thống thư viện trong nước cũng như quốc tế.

3.2. Thu thập và tổ chức khai thác nguồn tài nguyên số

Chú trọng xây dựng và phát triển nguồn tài nguyên số từ các nguồn khác nhau:

- Mua CSDL điện tử có giá trị: Đầu tư kinh phí cùng với một số nhà trường có cùng chuyên ngành mua chung các CSDL điện tử lớn, uy tín để cùng khai thác và sử dụng, vừa giảm bớt chi phí mà vẫn đảm bảo chất lượng hiệu quả của nguồn tin. Cụ thể, có thể tham gia vào các một số liên hiệp thư viện về nguồn tin điện tử như Liên hiệp thư viện về nguồn tin điện tử, Liên hiệp thư viện Việt Nam về nguồn tin KH và CN...

- Khai thác nguồn tài liệu nội sinh: Có những chính sách trong việc xây dựng và khai thác các nguồn tài liệu nội sinh nhất là luận án, luận văn. Để đảm bảo tính bảo mật trong khai thác có thể căn cứ vào loại hình tài liệu và căn cứ vào từng nhóm đối tượng NDT để có cách thức tổ chức phục vụ phù hợp.

- Tích cực thu thập khai thác các nguồn tài liệu từ đội ngũ cán bộ giáo viên tại Học viện, các nhà khoa học và nghiên cứu sinh học tập tại nước ngoài. Đồng thời phải có những chính sách đãi ngộ hợp lý, qua đó thu hút được nhiều người tích cực hiến tặng tài liệu nhằm làm giàu vốn tài liệu của thư viện.

- Xây dựng kế hoạch số hóa tài liệu hợp lý: Căn cứ vào nhu cầu NDT, tình trạng của tài liệu (quá cũ, số lượng ít, nhu cầu sử dụng cao trong khi nhà xuất bản không tái bản lại...) từ đó đưa ra kế hoạch số hóa tài liệu cụ thể, tránh số hóa dàn trải không tập trung gây lãng phí, hiệu quả sử dụng không cao.

Ngoài ra, trong quá trình xây dựng và tổ chức khai thác nguồn tài nguyên số, cần phải tìm hiểu và thực hiện tốt các vấn đề về bản quyền nói chung và vấn đề bảo mật thông tin đối với Học viện KTQS nói riêng. Cần có chế độ phân cấp, phân quyền và giới hạn các tài liệu trong phạm vi hạn chế nhất định.

3.3. Nhóm giải pháp về vấn đề con người

** Đối với cán bộ thư viện*

- Cần phải đổi mới tư duy

Đổi mới tư duy đối với NDT: Phải luôn xác định NDT là trung tâm của mọi hoạt động thông tin – thư viện, luôn đặt lợi ích của họ lên trên mọi lợi ích cá nhân. Lúc này, cán bộ thư viện chính là người phục vụ, không phải là người ban ơn.

Đổi mới tư duy trong xây dựng thư viện: Cần xác định thư viện hiện đại là thư viện luôn chủ động đến với bạn đọc. Do đó, cần xây dựng một thư viện với chất lượng phục vụ tốt nhất, đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá qua đó thu hút NDT đến với thư viện. Để làm được điều này, cán bộ thư viện trước tiên phải là người có tâm huyết với nghề, năng động và sáng tạo trong công việc.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ thư viện nòng cốt cho thư viện: Thư viện là một đơn vị trực thuộc Phòng Thông tin KHQS, đội ngũ lãnh đạo Phòng luôn có sự thay đổi theo từng nhiệm kỳ thông qua sự điều động của Học viện (mỗi nhiệm kỳ có thể kéo dài từ 3

đến 5 năm). Điều này cũng phần nào ảnh hưởng đến việc đưa ra những quyết sách cũng như sự thống nhất trong quá trình xây dựng và phát triển thư viện. Do đó cần phải có chính sách đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng một đội ngũ cán bộ thư viện nòng cốt, những *Key person* có chuyên môn vững, được đào tạo bài bản, có tầm nhìn chiến lược sẵn sàng tham mưu cho lãnh đạo trong quá trình đảm nhận nhiệm vụ.

- Chú trọng xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ thư viện hiện đại với đầy đủ các yếu tố sau:

+ Có trình độ chuyên môn cao

+ Có kiến thức thông tin, có kỹ năng khai thác, xử lý và tư vấn thông tin

+ Có kỹ năng về sư phạm để hướng dẫn và đào tạo NDT

+ Có khả năng ứng dụng và khai thác các thế mạnh của CNTT

+ Có trình độ ngoại ngữ

- Tăng cường sự phối hợp giữa Thư viện với cơ quan phụ trách về CNTT của Học viện.

** Đối với người dùng tin*

- Xây dựng chương trình đào tạo NDT như một môn học bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo của Học viện đồng thời có kiểm tra và đánh giá. Đây là một việc làm cần thiết giúp trang bị cho bạn đọc những kỹ năng tự tìm kiếm thông tin trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường.

- Xây dựng thiết chế học tập và nghiên cứu tại thư viện đối với cả đội ngũ giảng viên và học viên, sinh viên. Qua đó sẽ tạo lập cho bạn đọc thói quen tự nghiên cứu và chủ động hơn trong học tập, nghiên cứu.

3.4. Nhóm giải pháp thu hút người dùng tin

- Đổi mới mô hình phục vụ: Bố trí không gian hệ thống phục vụ theo những mô hình hiện đại hơn, gần gũi và thân thiện hơn như: phòng đọc cafe sách, phòng học nhóm hiện đại, phòng nghe nhìn đa phương tiện, ... Bởi một thư viện hiện đại không chỉ là nơi người đọc tìm đến để học tập, nghiên cứu mà còn là nơi để thư giãn, gặp gỡ và trao đổi.

- Xây dựng website riêng cho thư viện với đầy đủ các thông tin hoạt động, tài nguyên thông tin, các loại hình phục vụ, ... trên cả mạng nội bộ và Internet thay vì một trang web tĩnh chỉ cho phép tra cứu mục lục trực tuyến OPAC trên mạng nội bộ như hiện nay. Thế mạnh của việc xây dựng website riêng cho thư viện không chỉ là tuyên truyền quảng bá tiềm lực thư viện mà còn cung cấp cho bạn đọc những thông tin đầy đủ nhất, cụ thể nhất về mọi hoạt động của thư viện. Ngoài ra để khắc phục nhược điểm của

ứng dụng quản lý thư viện chỉ chạy trên mạng nội bộ, sẽ xây dựng ứng dụng quản lý thư viện chạy trên Internet. Ứng dụng này sẽ kết xuất, trích chọn các thông tin từ hệ thống CSDL thư viện trên mạng nội bộ, loại bỏ các yếu tố mật và mang tính đặc thù quân sự để phục vụ cho bạn đọc có thể tra cứu, tham khảo ở mọi nơi mọi lúc nhờ lợi thế của Internet.

- Đầu tư xây dựng và đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ thông tin như: in ấn và phát hành thông báo tài liệu mới, thông báo tài liệu theo chuyên đề... cấp phát trong nội bộ Học viện; dịch vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu, dịch vụ tư vấn online nhằm giải đáp những thắc mắc và hỗ trợ kịp thời cho bạn đọc trong quá trình khai thác thư viện; dịch vụ SMS nhắn tin vào điện thoại...

- Thường xuyên tổ chức các buổi hội nghị hội thảo, hội nghị bạn đọc, tọa đàm... nhằm nắm bắt nhu cầu, xu hướng cũng như những vấn đề mà NDT quan tâm. Thông qua nghiên cứu và trao đổi đề ra kế hoạch phục vụ sao cho nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

- Thành lập các câu lạc bộ như câu lạc bộ sách, câu lạc bộ những người yêu sách, câu lạc bộ thư viện trẻ,... mà nòng cốt là các bạn học viên, sinh viên. Điều này không chỉ giúp thu hút các bạn cùng tham gia vào tổ chức các sự kiện, các hoạt động của thư viện mà họ còn là một kênh tuyên truyền quảng bá nhanh nhất và hiệu quả nhất.

Kết luận

Xây dựng Thư viện số tại Học viện KTQS mang ý nghĩa như một bước ngoặt trên con đường hiện đại hóa ngành thông tin thư viện – con đường của sự phối hợp giữa CNTT và thư viện. Mặc dù trong quá trình triển khai xây dựng thư viện số, Thư viện Học viện KTQS đã gặp phải những khó khăn do tính đặc thù của một thư viện trong quân đội như: tính bảo mật thông tin, cơ chế bao cấp,... song những gì mà thư viện Học viện KTQS đạt được đã đánh dấu bước phát triển mới mang tính lịch sử trong suốt 50 năm xây dựng và trưởng thành. Trong thời gian tới, Thư viện Học viện KTQS cần phải đẩy mạnh triển khai đồng bộ các giải pháp cũng như tiếp tục nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm xây dựng thư viện số từ các Trung tâm thư viện lớn trong cả nước để có những chiến lược phát triển tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Nguyệt Ánh (2016), “Hiện đại hóa Thư viện Học viện Kỹ thuật Quân sự: Thực trạng và giải pháp”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Định hướng phát triển Trung tâm lưu trữ và Thư viện Học viện Cảnh sát Nhân dân*, tr. 194 – 198
2. Đặng Thị Tân Mai, Trần Thị Thanh Nga, Trần Thị Thương Giang (2012), “Xây dựng thư viện số và vấn đề số hóa tài liệu tại trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại

- học Quốc gia Hà Nội”, *Kỷ yếu hội thảo kỷ niệm 15 năm thành lập Trung tâm Thông tin – Thư viện. Đại học Quốc gia Hà Nội*, tr. 193 - 203
3. Nguyễn Thị Khanh (2015), “*Xây dựng, quản lý và khai thác tài liệu số tại Thư viện Học viện Kỹ thuật Quân sự*”.
 4. Phòng Thông tin Khoa học quân sự/ Học viện KTQS (2016), “*Báo cáo tình hình hoạt động hệ thống thư viện số tại HVKTQS*”
 5. Phòng Thông tin KHQS/Học viện KTQS (2015), Dự án: “*Xây dựng và phát triển Thư viện điện tử tại Phòng Thông tin Khoa học Quân sự, Học viện Kỹ thuật Quân sự nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học*”
 6. Qian Zhou (2005), Phát triển thư viện số và thủ thư số - *The Electronic Library*, Vol. 23 Iss: 4, pp.433 – 441
 7. Trần Thị Phượng(2012),“*Thư viện số và bảo quản thông tin số*”,*Kỷ yếu hội thảo kỷ niệm 15 năm thành lập Trung tâm Thông tin – Thư viện. Đại học Quốc gia Hà Nội*, tr. 204 – 209
 8. Trung tâm CNTT/Học viện KTQS (2016), “*Báo cáo thực trạng hệ thống CNTT trong Học viện KTQS*”